



TÁC ĐỘNG TỪ QUẢN TRỊ THANH KHOẢN ĐẾN LỢI NHUẬN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

TS. LÊ TẤN PHƯỚC - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Cùng với xu hướng hội nhập, phát triển hệ thống ngân hàng thương mại bền vững và hiệu quả là yêu cầu tất yếu với mục tiêu cuối cùng là gia tăng lợi nhuận. Tuy nhiên, lợi nhuận càng cao thì mức độ rủi ro càng lớn. Rủi ro thanh khoản không những ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng mà còn ảnh hưởng đến danh tiếng của ngân hàng. Nhằm đảm bảo hoạt động ngân hàng thương mại ổn định, việc nghiên cứu tác động của quản trị thanh khoản có ảnh hưởng như thế nào đến lợi nhuận là việc làm thiết yếu.

Quản trị thanh khoản và lợi nhuận ngân hàng

Rủi ro thanh khoản là loại rủi ro tồn tại xuyên suốt và ảnh hưởng đến nhiều hoạt động khác nhau của ngân hàng thương mại (NHTM) cũng như ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng (Zaphaniah Akunga Maaka, 2013).

• *Lý thuyết quản trị thanh khoản:*

Lý thuyết này cho rằng, không cần phải thực hiện theo các tiêu chuẩn về thanh khoản trước đây như duy trì tài sản thanh khoản, đầu tư vào tài sản có tính thanh khoản... hoặc các ngân hàng tập trung vào các khoản bên nợ của bảng cân đối. Theo lý thuyết này, các ngân hàng có thể đáp ứng nhu cầu thanh khoản bằng cách vay mượn trong thị trường tiền tệ và vốn. Đóng góp cơ bản của lý thuyết này là xem xét cả hai bên của bảng cân đối của ngân hàng là nguồn thanh khoản (Emmanuel, 1997).

• *Lý thuyết về lợi nhuận ngân hàng:*

Lợi nhuận ngân hàng là khả năng của ngân hàng tạo ra doanh thu vượt quá chi phí, liên quan đến vốn của ngân hàng. Để xác định lợi nhuận thông thường sử dụng các chỉ số sau đây (Taha, 1999):

- *Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu*

ROE được tính theo công thức:

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}}$$

ROE chính là chỉ số phản ánh hiệu quả của vốn chủ sở hữu, đo lường hiệu quả đầu tư của vốn chủ sở hữu, phản ánh được khả năng tạo ra lợi nhuận từ một đồng vốn mà nhà đầu tư đầu tư vào ngân

hàng, cho nên luôn nhận được sự quan tâm rất lớn từ các nhà đầu tư.

- *Lợi nhuận trên tổng tài sản*

ROA là chỉ số đo lường khả năng các NHTM quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính để tạo ra lợi nhuận.

ROA được tính theo công thức:

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện khả năng tạo ra lợi nhuận từ việc sử dụng hiệu quả tài sản của ngân hàng thông qua cơ cấu danh mục tài sản của ngân hàng.

Mô hình và dữ liệu nghiên cứu

Sau khi thu thập dữ liệu, trên cơ sở tiếp thu nghiên cứu của Fredrick Mwaura Mwangi (2014) và Ali Sulieman Alshatti (2015), cùng với những điều kiện về thời gian và số liệu thu thập được, tác giả sử dụng mô hình hồi quy có dạng tổng quát như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 GGDPT + \beta_7 INFt + \beta_8 INRt + \beta_9 UNRt + \beta_{10} EXRt + \epsilon_{it}$$

Trong đó:

Y là hai biến phụ thuộc đại diện cho lợi nhuận của Ngân hàng: ROA (Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên tổng tài sản) và ROE (Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu)

X1 đến X5 là các biến nội tại ngân hàng:

X1: Tài sản thanh khoản/Tổng tài sản (LR).

X2: Chất lượng tài sản (AQ) = Nợ xấu/ (Tổng nợ + Tài sản thanh khoản).



X3: Cho vay/Tổng tài sản (CTA).

X4: Tỷ lệ đầu tư (IR) = Dư nợ cho vay ròng/Tổng huy động.

X5: Tỷ lệ vốn (CR) = Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản
GGDPt, INFt, INRt, UNRt, EXRt: là các biến kinh tế vĩ mô.

β : hệ số hồi quy và ϵ, t : Sai số.

Mô hình viết lại như sau:

$$ROA_{it} = \beta_0 + \beta_1 LR_{it} + \beta_2 AQ_{it} + \beta_3 CTA_{it} + \beta_4 IR_{it} + \beta_5 CR_{it} + \beta_6 GGDP_t + \beta_7 INF_t + \beta_8 INR_t + \beta_9 UNR_t + \beta_{10} EXR_t + \epsilon_{it}$$

$$ROE_{it} = \beta_0 + \beta_1 LR_{it} + \beta_2 AQ_{it} + \beta_3 CTA_{it} + \beta_4 IR_{it} + \beta_5 CR_{it} + \beta_6 GGDP_t + \beta_7 INF_t + \beta_8 INR_t + \beta_9 UNR_t + \beta_{10} EXR_t + \epsilon_{it}$$

Mô tả các biến độc lập như sau:

Các biến nội tại ngân hàng:

X1: Tỷ số tài sản thanh khoản/Tổng tài sản (LR).

Berger (1995) tính toán rủi ro thanh khoản của ngân hàng thông qua tỷ số tài sản thanh khoản trên tổng tài sản. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua tỷ số tài sản thanh khoản trên tổng tài sản: Degger Alper và Adem Anbar (2011), Fredrick Mwaura Mwangi (2014), Ali Sulieman Alshatti (2015), Vodova (2011). Tỷ số tài sản thanh khoản trên tổng tài sản cũng là một trong những chỉ số lành mạnh tài chính của Quỹ Tiền tệ Quốc tế được nhiều nước đang áp dụng, đo lường rủi ro thanh khoản của ngân hàng cho biết, khả năng đáp ứng nhu cầu rút tiền mặt theo ước tính và bất thường của khách hàng.

X2: Chất lượng tài sản (AQ)

Theo Fredrick Mwaura Mwangi (2014), chất lượng tài sản được đánh giá bằng tỷ số nợ xấu trên tổng nợ và tài sản thanh khoản. Trong mô hình nghiên cứu về tác động của rủi ro thanh khoản đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng, Fredrick Mwaura Mwangi (2014) cũng sử dụng chỉ tiêu chất lượng tài sản là đại diện cho rủi ro thanh khoản.

X3: Cho vay/Tổng tài sản (CTA)

Nghiên cứu của Ali Sulieman Alshatti (2015) đã sử dụng tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản như là một yếu tố đại diện cho rủi ro thanh khoản trong mô hình hồi quy tuyến tính về tác động của rủi ro thanh khoản đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

X4: Tổng các khoản cho vay/ Tổng tiền gửi (IR).

Đây còn được gọi là tỷ lệ cấp tín dụng so với tổng nguồn vốn huy động. Tỷ lệ này được sử dụng để đánh giá rủi ro thanh khoản trong nghiên cứu của Qin, Xuezhi và Dickson Pastory (2012) hay trong mô hình đo lường tác động của rủi ro thanh khoản đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Saleh Taher Alzorqan (2014).

X5: Tỷ lệ vốn (CR)

Nghiên cứu của Tabari và cộng sự, Mohammad Ahmadi and Ma'someh Emami (2013) và Ali Sulieman Alshatti (2015) đã đưa ra cách xác định tỷ số này bằng cách, lấy vốn tự có chia cho tổng tài sản; đồng thời, sử dụng tỷ số này đại diện cho rủi ro thanh khoản trong mô hình hồi quy nghiên cứu tác động của rủi ro thanh khoản đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Các biến vĩ mô:

Tăng trưởng GDP (GGDP): Tác giả sử dụng biến tăng trưởng GDP để kiểm soát cho các chu kỳ kinh tế vĩ mô. Trong thời kỳ kinh tế tăng trưởng tốt, ngân hàng sẽ hoạt động hiệu quả hơn, nhưng trong thời kỳ suy thoái, hiệu quả kinh doanh của ngân hàng sẽ suy giảm.

Lạm phát (INF): Mối quan hệ giữa lạm phát và hiệu quả kinh doanh của ngân hàng có thể có tác động hỗn hợp. Lạm phát có thể giảm giá trị thực của lợi nhuận hoặc làm giảm tỷ lệ thất nghiệp, từ đó giúp ngân hàng có nhiều lợi nhuận hơn.

Lãi suất danh nghĩa (INR): Lãi suất có tác động trực tiếp đến lợi nhuận của ngân hàng. Việc tăng lãi suất dẫn tới gia tăng gánh nặng nợ, làm suy yếu khả năng trả nợ của khách hàng vay. Điều này sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Tỷ lệ thất nghiệp (UNR): Tỷ lệ thất nghiệp tăng gây ra sự suy giảm trong tiêu dùng từ đó giảm khả năng tạo ra tiền mặt. Khi tỷ lệ thất nghiệp cao sẽ làm giảm hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

Tỷ giá (EXR): Sự gia tăng trong tỷ giá hối đoái có thể có những tác động hỗn hợp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thông qua các giao dịch có liên quan đến ngoại tệ.

Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nội bộ ngân hàng được truy suất từ Bankscope và từ báo cáo tài chính đã kiểm toán của 27 NHTM Việt Nam từ năm 2005 đến năm 2014. Nghiên cứu sử dụng số liệu của 27 NHTM, với tổng tài sản chiếm trên 75% tổng tài sản NHTM tại Việt Nam. Vì vậy, mẫu dữ liệu đảm bảo tính đại diện cho các NHTM Việt Nam. Dữ liệu vĩ mô được lấy từ ADB Indicators từ năm 2005 đến năm 2014.

Kết quả mô hình

Thống kê mô tả

Khái quát sơ bộ các thông số cơ bản của dữ liệu nghiên cứu, qua đó cho thấy có sự phân tán giữa các quan sát trong mẫu được thể hiện qua giá trị trung



BẢNG 1: THỐNG KÊ MÔ TẢ DỮ LIỆU MÔ HÌNH

Variable	Obs	Mean	Std.Dev	Min	Max
ROA	252	0.013735	0.009422	0.00011	0.05952
ROE	242	0.061765	0.080389	0.00128	0.52106
GGDP	260	6.20	0.764973	5.247367	7.547248
INF	260	10.15	5.642215	4.09	23.11632
UNR	260	2.20	0.273283	1.8	2.6
EXR	260	18587.20	2146.714	15916	21246
INR	260	10.153	2.001582	7.62	13.46
LR	253	0.242279	0.123722	0.03378	0.89505
AQ	210	0.016129	0.01297	0.00045	0.09895
CTA	249	0.544346	0.14873	0.1561	0.94218
CR	253	0.132116	0.098873	0.00164	0.71206
IR	249	0.6356469	0.2199156	0.19862	1.99142

Nguồn: Tác giả tính toán trên STATA 13

bình, lớn nhất, nhỏ nhất và độ lệch chuẩn. Giá trị của các biến phân phối không đều, thông qua giá trị trung bình và độ lệch chuẩn.

Biến phụ thuộc hiệu quả kinh doanh ROA, có giá trị cao nhất đạt 0.05952, trong khi đó giá trị thấp nhất là 0.00011, giá trị trung bình của ROA là 0.013735. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng trong mẫu biến động khá ít, thể hiện thông qua độ lệch chuẩn là 0.009422.

Đối với biến phụ thuộc hiệu quả kinh doanh ROAE có giá trị cao nhất đạt 0.52106, trong khi đó giá trị thấp nhất là 0.00128, giá trị trung bình của ROA là 0.061765. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng trong mẫu biến động khá nhiều, thể hiện thông qua độ lệch chuẩn là 0.080389.

Đối với các biến vĩ mô, đáng chú ý là biến tỷ lệ lạm phát INF và lãi suất danh nghĩa INR có giá trị cao nhất trong hai năm 2008 và 2011. Sự biến động khá lớn của INF và INR trong hai năm trên đã làm cho độ lệch chuẩn tăng cao. Đối với biến INF, giá trị trung bình là 10.15, độ lệch chuẩn lên tới 5.72; đối với biến INR, giá trị trung bình là 10.53, có độ lệch chuẩn là 2.01.

Biến Tài sản thanh khoản/Tổng tài sản (LR): có giá trị cao nhất 0.89, thấp nhất là 0.03378 trung bình là 0.242279, độ biến động so với giá trị trung bình là 0.123722 cho thấy sự chênh lệch không lớn của tỷ lệ LR của các ngân hàng trong mẫu qua các năm.

Biến Chất lượng tài sản (AQ): có giá trị cao nhất 0.09895, thấp nhất là 0.00045, trung bình là 0.016129, độ biến động so với giá trị trung bình là 0.145857.

Biến Cho vay/Tổng tài sản (CTA): có giá trị cao nhất lên tới 0.94218, thấp nhất là 0.1561, trung bình là 0.544346, độ biến động so với giá trị trung bình khá lớn là 0.14873.

Biến tỷ lệ vốn (CR): có giá trị cao nhất lên tới 0.71206, thấp nhất là 0.00164, trung bình là 0.132116, độ biến động so với giá trị trung bình là 0.098873.

Biến tỷ lệ đầu tư (IR): có giá trị cao nhất lên tới 1.99142, thấp nhất là 0.19862, trung bình là 0.6356469, độ biến động so với giá trị trung bình là 0.2199156.

Sử dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng thông thường với phương pháp bình phương nhỏ nhất là Pooled OLS để ước lượng các phương trình hồi quy và kiểm định một số giả thuyết của mô hình OLS. Sau đó, tiếp tục ước

lượng cả 3 mô hình Pooled, mô hình FEM và mô hình REM. Phần dư của mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi, nên tác giả sẽ tiến hành hồi quy theo phương pháp FGLS. Kết quả phân tích cuối cùng dựa trên kết quả hồi quy theo phương pháp FGLS.

Phân tích kết quả hồi quy

- Biến IR: Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ đầu tư có mối quan hệ cùng chiều với hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Tìm thấy ý nghĩa thống kê 1% trong mối quan hệ giữa IR và ROE. Điều này cho thấy gia tăng đầu tư dẫn đến gia tăng lợi nhuận và tăng lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Điều đó có nghĩa là lợi nhuận tại các NHTM tăng tỷ lệ với đầu tư.

- Biến CR: Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng khi giảm tỷ lệ vốn trên tổng tài sản, sẽ làm tăng hiệu quả ngân hàng khi đại diện bằng ROE. Nhưng ngược lại, khi tăng tỷ lệ vốn sẽ làm cho hiệu quả ngân hàng đo bằng ROA tăng lên.

- Biến LR: Kết quả nghiên cứu cho thấy khi giảm tài sản thanh khoản, sẽ làm tăng lợi nhuận của ngân hàng và gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh khi đại diện bằng biến ROE. Mối quan hệ này được tìm thấy có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Kết quả được tìm thấy là hợp lý và tương thích với nguyên tắc cân bằng tính thanh khoản và lợi nhuận ngân hàng (giảm trong tài sản thanh khoản dẫn đến giảm tính thanh khoản và đồng thời dẫn đến sự gia tăng lợi nhuận).

- Biến AQ: Kết quả nghiên cứu cho thấy biến AQ có mối quan hệ ngược chiều với ROA. Khi AQ sụt giảm (nguyên nhân là do các khoản nợ xấu tăng lên) thì lợi nhuận ngân hàng cũng sụt giảm theo, qua đó hiệu quả kinh doanh của ngân hàng sẽ giảm. Mối

BẢNG 2: BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỒI QUY

Variable	FGLS	FGLS
	ROA	ROE
GGDP	0.00128*** [2.70]	-0.00202 [-0.94]
INF	-0.000337*** [-3.52]	-0.00157*** [-3.69]
UNR	0.0013 [0.92]	-0.0174*** [-2.71]
EXR	-0.000000412* [-1.74]	-0.000000816 [-0.74]
INR	0.000890*** [3.00]	0.00332*** [2.58]
LR	0.0134*** [3.50]	-0.0219* [-1.73]
AQ	-0.107*** [-5.47]	0.666*** [5.88]
CR	0.0242*** [5.22]	-0.154*** [-8.79]
IR	0.00348 [1.49]	0.0319*** [4.32]
_CONS	-0.00341 [-0.41]	0.0774** [2.01]
N	209	206

t statistics in brackets
* p<0.1, ** p<0.05, *** p<0.01

Nguồn: Tác giả tính toán trên STATA 13

quan hệ được tìm thấy có ý nghĩa thống kê 1%.

Đối với các biến vĩ mô

- Biến GGDP: Tìm thấy ý nghĩa thống kê 1% trong mối quan hệ cùng chiều giữa tăng trưởng kinh tế GGDP và hiệu quả ngân hàng đại diện bằng biến ROA. Như vậy, khi kinh tế tăng trưởng tốt, hoạt động của hệ thống ngân hàng cũng sẽ được cải thiện, lợi nhuận tăng, hiệu quả ngân hàng tăng.

- Biến INF: Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, khi tỷ lệ lạm phát gia tăng sẽ làm giảm hiệu quả ngân hàng thông qua hai biến đại diện là ROA và ROE. Mối quan hệ âm được tìm thấy với mức ý nghĩa thống kê 1%. Lạm phát gia tăng thực sự làm giảm lợi nhuận của ngân hàng.

- Biến UNR: Tìm thấy mối quan hệ ngược chiều giữa tỷ lệ thất nghiệp và hiệu quả ngân hàng thông qua biến ROE. Mối quan hệ tìm thấy với mức ý nghĩa thống kê 1%. Khi kinh tế suy giảm, thất nghiệp gia tăng, ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng, điều này làm suy giảm hiệu quả kinh doanh.

- Biến EXR: Kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối quan hệ ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức 1% giữa tỷ giá hối đoái và hiệu quả ngân hàng thông qua biến ROA. Khi tỷ giá gia tăng, làm sụt giảm lợi nhuận ngân hàng và hiệu quả kinh doanh.

- Biến INR: Tìm thấy mối quan hệ cùng chiều giữa lãi suất danh nghĩa và hiệu quả ngân hàng thông qua hai biến ROA và ROE. Mối quan hệ được tìm thấy với mức ý nghĩa 1%. Như vậy, khi gia tăng lãi suất, ngân hàng sẽ có được lợi nhuận nhiều hơn, từ đó hiệu quả kinh doanh được gia tăng.

Giải pháp đề xuất

Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của quản lý thanh khoản đến hiệu quả kinh doanh của 27 NHTM Việt Nam từ năm 2005-2014. Làm thế nào để các ngân hàng có thể giữ sự cân bằng giữa tính thanh khoản và lợi nhuận? Kết quả nghiên cứu cho thấy, quản lý thanh khoản thực sự có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh (được đo bằng ROE hoặc ROA) tại các NHTM Việt Nam. Tác động của biến tỷ lệ đầu tư, tỷ lệ vốn đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng (đo bởi ROE) là tích cực. Biến chất lượng tài sản có mối quan hệ ngược chiều với hiệu quả ngân hàng khi đo bởi ROA. Ảnh hưởng của biến tài sản thanh khoản đến ROE là ngược chiều. Các tác động tiêu cực này có thể là do sự gia tăng của các khoản tiền gửi mà các NHTM chưa khai thác được.

Do đó, khuyến cáo được đưa ra là các NHTM nên đầu tư các khoản thanh khoản dư thừa, nhằm tăng lợi nhuận của các ngân hàng và có được lợi ích từ giá trị thời gian của tiền sẵn có. Các NHTM nên áp dụng một khuôn khổ chung trong việc quản lý thanh khoản để đảm bảo thanh khoản đầy đủ, sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ với khách hàng một cách hiệu quả. Cần đánh giá khả năng ngân hàng trong việc đạt được sự cân bằng giữa cung và cầu thanh khoản, các ngân hàng cần phải áp dụng phương pháp khoa học trong việc quản lý thanh khoản hiệu quả, đặc biệt là trong các trường hợp đột xuất có thể ảnh hưởng đến rủi ro của các ngân hàng.

Tài liệu tham khảo:

1. Ali Sulieman Alshatti, 2015. *The Effect of the Liquidity Management on Profitability in the Jordanian Commercial Banks. International Journal of Business and Management; Vol. 10, No. 1; 2015 ISSN 1833-3850 E-ISSN 1833-8119;*
2. Almazari, A. A. (2014). *Impact of Internal Factors on Bank Profitability: Comparative Study between Saudi Arabia and Jordan. Journal of Applied Finance & Banking, 4(1), 125-140.*